TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS -ST
Ngày: 14/8/2023
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Trần Văn Điền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Mai Phú**

2. Bà**: Đỗ Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: *Ông* **Huỳnh Ngọc Phú** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thị Bích Hợp** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2023/TLST - DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐST-DS ngày 4/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST- DS ngày 26/7/2023 giữa:

Nguyên Đơn: Ông (bà) **Chế Rơi V**, sinh năm 1969

Trú tại:Tổ 3, T 01, thành phố Đà Lạt

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có bà: **Lê Thị Kim L**, sinh năm 1999

Địa chỉ: 11A Trần Lê , Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông (bà): **Xuân Thị Bích T – Nguyễn Ngọc Bảo H**

Trú tại: 113/4 thôn T, Xuân Trường, thành phố Đà Lạ.

(Bà T, bà H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Do bà Chế Rơi V có quen biết với bà Xuân Thị Bích T và Nguyễn Ngọc Bảo H. Nên vào ngày 07/05/2021 bà Vành có cho bà T và bà H vay số tiền là 33.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 07/8/2021, việc vay mượn được thể hiện tại giấy mượn tiền đề ngày 07/5/2021. Tuy nhiên đến nay bà V đã yêu cầu bà Hân, bà T trả nợ số tiền trên nhiều lần nhưng bà H và bà T vẫn không trả số tiền nêu trên cho bà V

Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà H, bà T trả cho bà V số tiền gốc là 33.000.000đồng(ba mươi ba triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 07/8/2021 cho đến ngày 14/8/2023. Hiện tạm tính khoản tiền lãi từ ngày 07/08/2021 đến ngày 14/8/2023 là: 33.000.000đồng x 10%/năm x (02 năm 07 ngày) = 6.672.328đồng**,** buộc bà T, H trả cho bà Và V cả gốc và lãi là 39.672.328 đồng (*Ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi tám đồng)*

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T, bà H trả số tiền cả gốc và lãi là 39.672.328 đồng (*Ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi tám đồng)* trong đó gốc 33.000.000đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) lãi là 6.672.328 đồng (*Sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng)*

Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T, bà H trả số tiền 33.000.000đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) tiền gốc và lãi xuất 10%/năm tạm tính từ ngày 07/8/2021 đến ngày 14/8/2023 là 02 năm 07 ngày (33.000.000đồng x 10%/năm x (02 năm 07 ngày) = 6.672.328đồng**.)**

Vì vậy: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn bà T, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Chế Rơi V số tiền cả gốc và lãi là: 39.672.328 đồng (*Ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi tám đồng)* trong đó gốc 33.000.000đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) lãi là 6.672.328 đồng (*Sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi tám đồng)*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] *Về thẩm quyền*: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Chế Rơi V, bị đơn là bà Xuân Thị Bích T, bà Nguyễn Ngọc Bảo H do bị đơn có hộ khẩu tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa đã triệu tập các bị đơn đến tòa để trình bày ý kiến, hòa giải và công khai chứng cứ nhưng các bị đơn vẫn không đến Tòa. Tòa án tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi các bị đơn cư trú theo quy định của pháp luật và các bị đơn cũng không có mặt tại Tòa và cũng không có lý do về việc vắng mặt của các bị đơn, nên căn cứ vào các Điều 227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung: Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và các bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thể hiện:

[3.1] Về thời gian vay tiền và số tiền vay: Bà Chế Rơi V cho rằng: Vào ngày 07/5/2021 bà có cho bà Xuân Thị Bích T và Bà Nguyễn Ngọc Bảo H vay số tiền 33.000.000đồng, khi vay các bên có viết giấy vay mươn bằng tay (không có công chứng) và người vay mượn có xác nhận về việc vay mươn

[4] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 07/5/2021 bà Chế Rơi V có cho bà Xuân Thị Bích T và bà Nguyễn Ngọc Bảo H vay số tiền 33.000.000đồng

Tại giấy mượn tiền nguyên đơn và bị đơn không ghi về việc thỏa thuận lãi suất cho vay.

Do quá trình vay mượn các bị đơn không chịu thanh toán số tiến gốc cho nguyên đơn. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu phía các bị đơn thực hiện thanh tóan trả nợ nhưng các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự là vi phạm.Vì vậy: Nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở đúng theo quy định:

Trong quá trình nguyên đơn khởi kiện, tòa án thụ lý giải quyết vụ án, tòa đã triệu tập các bị đơn đến Tòa để trình bày kiến, các bị đơn vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành xác minh niêm yết các văn bản tố tụng cho các bị đơn tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng các bị đơn vẫn không đến Tòa.

Xét thấy: Lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn có cho các bị đơn vay mượn số tiến gốc là 33.000.000đồng là có căn cứ.

Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày vay (07/8/2021) tạm tính đến ngày xét xử (14/8/2023) là có cơ sở.

Lãi xuất được tính như sau: 33.000.000đồng x 10%/năm x (02 năm 07 ngày) =6.672.328 đồng (*Sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn , ba trăm hai mươi tám đồng)*

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chế Rơi V yêu cầu các bị đơn là bà Xuân Thị Bích T, Nguyễn Ngọc Bảo H có trách nhiệm liên đới trả cho bà V số tiền (*Ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi tám đồng)*làm tròn 39.672.000đồng *Ba mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng* (trong đó gốc là 33.000.000đồng,(*Ba mươi ba*

triệu đồng) lãi là 6.672.000đồng (*Sáu triệu , sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng).*

[6] Về án phí dân sự: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật được quy định tại điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí,lệ phí của Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên số tiền đã tạm nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Chế Rơi V đối với các bị đơn là bà Xuân Thị Bích T – bà Nguyễn Ngọc Bảo H về việc khởi kiện " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

2- Buộc các bị đơn là bà Xuân Thị Bích T, bà Nguyễn Ngọc Bảo H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Chế Rơi V số tiền 39.672.000 đồng. Trong đó tiền gốc 33.000.000đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*), lãi là 6.672.000đồng *(Sáu triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Xuân Thị Bích T, bà Nguyễn Ngọc Bảo H liên đới chịu 1.984.000đồng (*Một triệu chín trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Bà Chế Rơi V số tiền 960.000đồng (*Chín trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011605 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Xuân Thị Bích T – bà Nguyễn Ngọc Bảo H) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được (niêm yết) tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND Tp. Đà Lạt;
-Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ vụ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Điền